

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 4 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Lê Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Đức Lam Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-DS ngày 06/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Trúc N, sinh năm: 1991, địa chỉ: A P, phường T, TP Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: K N, phường H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1988, địa chỉ: A P, phường T, TP Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: A P, phường T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Trúc N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc T kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/2016 tại UBND phường N, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, ông T đã đối xử rất tệ bạc, xúc phạm nặng nề, không còn một chút tôn trọng nào đối với bà ngay trong lúc bà đang mang thai và sau khi sinh con. Trong lúc bà mang thai bé thứ 2 vào năm 2023, lúc đó thai được 8 tháng, ông T đã chở bà lên TAND quận Ngũ Hành Sơn ly dị 2 lần, lúc đó bà nghĩ gần đến ngày sinh nở và bé thứ nhất còn nhỏ nên đã xuống nước van xin nhiều lần, sau đó đến khi bà mang bầu bé thứ 3 được 3 tháng ông T đã xúc phạm, chửi bới làm bà đau bụng phải nằm viện và được bác sĩ chuẩn đoán động thai. Trong suốt thời gian mang thai bé thứ 3 bà không được sự quan tâm, chăm sóc và lo lắng như một người vợ bình thường mà đối lại là sự lạnh nhạt và vô tâm. Khi bà sinh bé thứ 3 được 7 tháng ông T lại đề cập đến

việc ly dị 1 lần nữa và bà lại van xin và hạ mình để đưa con chưa được sinh ra có cha có mẹ, khi con đầy tháng ông T vẫn kiên quyết muốn ly dị với bà. Sau đó, tháng 12/2025, bà nộp đơn và TAND khu vực 3 đã hòa giải bà và ông T thuận tình ly hôn, ông T nuôi dưỡng cháu lớn, còn bà nuôi dưỡng 02 cháu nhỏ, ông T cấp dưỡng 10.000.000đ/02 con nhưng sau đó ông T thay đổi hòa giải. Bà nghĩ sau tất cả những gì bà đã phải chịu đựng, đã suy nghĩ rất nhiều về thời gian chung sống, về việc đã làm những gì để phải bị đối xử tệ bạc như vậy thì bà đã đi đến quyết định phải ly hôn. Con cái của bà đã chứng kiến cảnh cha mẹ cãi nhau rất nhiều lần và nhìn thấy bà khóc lóc van xin. Bà và ông T tuy sống chung trong nhà của ba mẹ chồng nhưng đã sống ly thân hơn 1 năm, mỗi người sống một tầng, các sinh hoạt, ăn uống đều riêng. Do vậy, bà xét thấy tình cảm không còn thương yêu nhau nên bà mong được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Nguyễn C, sinh ngày 20/5/2019, Nguyễn M, sinh ngày 17/12/2023, Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 02/8/2025. Ly hôn, bà yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Nguyễn M và Nguyễn Ngọc Minh T1. Ông T nuôi dưỡng, chăm sóc bé Nguyễn Chloe. Bà yêu cầu ông T chu cấp cho 2 con chung Nguyễn M và Nguyễn Ngọc Minh T1 mỗi tháng 20.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung.

**\* Tại Bản tự khai ngày 19/12/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và vợ ông là bà Lê Thị Trúc N có kết hôn vào ngày 27/10/2016 tại UBND phường N, TP Đà Nẵng. Sau thời gian chung sống ông và vợ ông có những bất hòa, không thống nhất dẫn đến việc vợ ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà N có 3 con chung là Nguyễn C, sinh ngày 20/5/2019, Nguyễn M, sinh ngày 17/12/2023, Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 02/8/2025. Ly hôn, ông không đồng ý bà N nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Nguyễn M và Nguyễn Ngọc Minh T1 vì ông thấy vợ ông không đủ khả năng lo cho con. Ông có khả năng chăm con được tốt hơn, đầy đủ hơn. Vì vậy, ông đề nghị nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông đề nghị nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Nguyễn C, Nguyễn M; còn bà N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Ngọc Minh T1. Ông đã có kế hoạch sửa phòng cho con chung Nguyễn C, Nguyễn M có được điều kiện sống tốt nhất. Về cấp dưỡng nuôi con ông đề nghị theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà N không có.

**\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc N về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” đối với ông Nguyễn Ngọc T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn M, sinh ngày 17/12/2023, Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 02/8/2025 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 10.000.000đồng/tháng. Giao 01 con chung Nguyễn C, sinh ngày 20/5/2019 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T không có.

Bà Lê Thị Trúc N phải chịu án phí ly hôn bà N phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con bà N tự nguyện chịu.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### [1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Trúc N khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” đối với bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T có địa chỉ tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### [2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N (cũ là UBND quận N), TP Đà Nẵng ngày 27/10/2016; đây là hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Trúc N xác nhận thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bà N và ông T tuy sống chung trong nhà của ba mẹ chồng nhưng đã sống ly thân hơn 1 năm, mỗi người sống một tầng, các sinh hoạt, ăn uống đều riêng; không người nào quan tâm, chăm sóc cho người nào. Nay bà N đã chuyển ra ngoài sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Biên bản xác minh ngày 04/3/2026 tại địa phương: “Ông T đang sinh sống tại phường T, thành phố Đà Nẵng; bà N có thông

báo đến địa phương là chuyển đi nơi khác; ông T, bà N có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ”.

Bà N và ông T đã nhiều lần đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, gần đây vào tháng 12/2025, bà N khởi kiện và bà N, ông T đã thỏa thuận thống nhất ly hôn, thống nhất về nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nhưng sau đó ông T thay đổi. Đồng thời, hiện vợ chồng bà N và ông T sống ly thân, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa bà N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và ông T thống nhất ly hôn với bà N nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T có 03 con chung là Nguyễn C, sinh ngày 20/5/2019, Nguyễn M, sinh ngày 17/12/2023 và Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 02/8/2025. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Nguyễn M, Nguyễn Ngọc Minh T1 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 20.000.000đồng/tháng; ông T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn C cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Biên bản xác minh tại địa phương nêu trên thì: “02 cháu Nguyễn M, Nguyễn Ngọc Minh T1 đang chung sống cùng bà N; cháu Nguyễn C đang chung sống cùng ông T”.

Bà N cho rằng bà là người chăm sóc cả 03 con từ lúc nhỏ, mặc dù có bà vú nuôi nhưng mọi việc chăm sóc, ăn uống do bà phụ trách; ông T đi làm về chơi với con, đưa đón 02 con lớn đi học. Tuy nay bà N ra ngoài ở thì cháu C ở với ông T, còn cháu M thứ 7, chủ nhật ông T đón về chơi nhưng cháu M chủ yếu ở với bà N. Và hai cháu Nguyễn M, Nguyễn Ngọc Minh T1 còn nhỏ, đều dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn M của ông T.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N, giao 02 con chung Nguyễn M, Nguyễn Ngọc Minh T1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 10.000.000đồng/tháng. Còn con chung Nguyễn C, sinh ngày 20/5/2019 giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T không có.

**[3]** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Trúc N phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Trúc N tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ vào:**

- Điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với ông Nguyễn Ngọc T.**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn M, sinh ngày 17/12/2023, Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 02/8/2025 cho bà Lê Thị Trúc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 10.000.000đồng/tháng. Giao 01 con chung Nguyễn C, sinh ngày 20/5/2019 cho ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Trúc N và ông Nguyễn Ngọc T không có.

### **2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Án phí ly hôn 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Lê Thị Trúc N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000266 ngày 12/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Trúc N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Lê Thị Trúc N tự nguyện chịu.

### **3. Quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 03/4/2026.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường Ngũ Hành Sơn (cũ là UBND quận Ngũ Hành Sơn), TP Đà Nẵng (Giấy CNKH số 013 ngày 27/10/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Diệp**